TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHƯỚC LONG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **03**/2024/HNGĐ-ST
Ngày 06-3-2024
V/v "Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phán

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Khoa Nam, ông Nguyễn Văn Ngần

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước *tham gia phiên toà:* Ông Phạm Văn Lợi – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 tháng 01 và ngày 06 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 130/2023/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2023 về việc *"Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1991(vắng mặt)

Địa chỉ: thôn B, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam

Bị đơn: Chị Trần Thị M, sinh năm 1997 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố L, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 30-08-2023 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn anh Nguyễn Hữu T trình bày:*

Anh Nguyễn Hữu T và chị Trần Thị M (sau đây gọi là anh T, chị M) tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắc vào ngày 06/8/2018, theo giấy chứng nhận kết hôn số 73/2018. Vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh được 01 người con sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, đến đầu năm 2023 thì mâu thuẫn vợ chồng trở lên trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thiếu sự tôn trọng nhau, mâu thuẫn trong làm ăn và thường có những lời lẽ xúc phạm nhau. Nhiều lần vợ chồng hòa giải nhưng không được, vợ chồng không có hòa hợp dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Từ đó mâu thuẫn kéo dài, xích mích ngày càng lớn, nên anh T đã bỏ vợ con đi làm ăn riêng từ đầu năm 2023 đến nay và không còn chung sống với nhau nữa. Nay tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung thực tế không tồn tại,

không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn được, nên anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị M.

Về con chung: Trong quá trình chung sống giữa anh T và chị M có một con chung tên Nguyễn Trần Hữu T1, sinh ngày 11/6/2015. Nay vợ chồng ly hôn nhau, anh T đồng ý giao con chung tên Nguyễn Trần Hữu T1 cho chị M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T và chị M tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị M đã tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn chị Trần Thị M trình bày:*

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ngày 24/10/2023 chị Trần Thị M có làm bản tự khai nộp cho Tòa án với nội dung như lời trình bày của anh Nguyễn Hữu T về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Chị Trần Thị M đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Hữu T và đồng ý nhận nuôi con chung tên Nguyễn Trần Hữu T1 đến khi đủ 18 tuổi và có đơn xin giải quyết vắng mặt. Chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Trần Thị M không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

* *Nội dung các bên thống nhất:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh T và chị M cùng vắng mặt, nên không lập biên bản hòa giải thành được. Tuy nhiên, các nội dung vụ án về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung chị Trần Thị M và anh Nguyễn Hữu T đều thống nhất.

Anh T và chị M cùng có đơn xin vắng mặt và yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

* *Nội dung các bên không thống nhất:* Không

* *Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.
- *Về nội dung vụ án:* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát áp dụng các quy định của pháp luật, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Đây là vụ án hôn nhân và gia đình do nguyên đơn anh Nguyễn Hữu T làm đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn chị Trần Thị M theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Do bị đơn cư trú tại thị xã P, tỉnh Bình Phước, nên vụ án

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Hữu T và bị đơn chị Trần Thị M đã được Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ theo quy định của pháp luật nhưng anh T vắng mặt, nên không tiến hành hòa giải đoàn tụ được. Xét thấy, nguyên đơn anh Nguyễn Hữu T đã làm đơn xin giải quyết vắng mặt; bị đơn chị Trần Thị M không có yêu cầu phản tố, đã làm đơn yêu cầu xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn anh T và bị đơn chị M theo quy định.

Về nội dung:

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh T và chị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắc. Giao kết này làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng, nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xác định mâu thuẫn vợ chồng: Nguyên đơn anh T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình hai vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng bất đồng trong lời nói. Do mâu thuẫn kéo dài, ngày càng lớn và không thể hàn gắn được. Lời trình bày của nguyên đơn anh T phù hợp với Biên bản xác minh ngày 20/12/2023 tại địa phương.

Về hòa giải đoàn tụ: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành, do anh T có đơn xin vắng mặt. Chứng tỏ anh T đã không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Tại bản tự khai ngày 24/10/2023 chị Trần Thị M đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Hữu T và có nguyện vọng nhận chăm sóc nuôi dưỡng con chung đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng làm cho tình trạng hôn nhân trở nên trầm trọng, tình cảm giữa anh T và chị M không còn, đời sống chung vợ chồng không tồn tại, vợ chồng không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đồng thời anh T và chị M đều đồng ý ly hôn nhau. Theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn anh Nguyễn Hữu T đối với bị đơn chị Trần Thị M.

[4] *Về con chung*: Trong quá trình chung sống, anh T và chị M có một người con chung tên Nguyễn Trần Hữu T1, sinh ngày 11/6/2015. Xét thấy, anh T và chị M đều thống nhất khi vợ chồng ly hôn, giao con chung cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Vì vậy, cần tuyên giao con chung tên Nguyễn Trần Hữu T1, sinh ngày 11/6/2015 cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi đủ 18 tuổi.

Chị M không yêu cầu anh T về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung:* Nguyên đơn anh Nguyễn Hữu T không yêu cầu Tòa án giải quyết và bị đơn chị Trần Thị M không có yêu cầu phản tố, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:* Chấp nhận yêu cầu của anh T được ly hôn với chị M và giao con chung tên Nguyễn Trần Hữu T1, sinh ngày 11/6/2015 cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Xét thấy, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] *Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Hữu T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hữu T được ly hôn với chị Trần Thị M.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Trần Hữu T1, sinh ngày 11/6/2015 cho chị M tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Hữu T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) anh T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008660 18/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

5. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long
- Chi cục THADS thị xã Phước Long;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- UBND xã Quảng Hiệp, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắc;
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

Nguyễn Văn Phán